

DANH SÁCH HỌC PHÍ - HK2/2019-2020
CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN - KHÓA 17

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HP HK	HP HL CN	HP HL XH	TỔNG HP HL	TỔNG HP	GIẢM 7%	TỔNG HP SAU GIẢM
1	1751001	Nguyễn Hiền Tuấn Duy	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
2	1751004	Trần Nguyễn Hiền	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
3	1751005	Đào Hiểu	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
4	1751008	Đỗ Nhật Huy	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
5	1751011	Nguyễn Hoàng Minh	7,431,680	3,715,840	-	3,715,840	11,147,520	780,326	10,367,194
6	1751012	Nguyễn Chấn Nam	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
7	1751013	Nguyễn Hồ Hữu Nghĩa	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
8	1751016	Nguyễn Lê Nguyễn	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
9	1751018	Lê Tấn Đăng Tâm	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
10	1751019	Võ Trung Thành	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
11	1751020	Trần Triều Thanh	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
12	1751021	Nguyễn Đức Thắng	11,147,520	3,715,840	-	3,715,840	14,863,360	1,040,435	13,822,925
13	1751022	Từ Đức Thịnh	11,147,520	3,715,840	-	3,715,840	14,863,360	1,040,435	13,822,925
14	1751024	Nguyễn Ngọc Phương Trang	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
15	1751026	Thái Hoàng Tuấn	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
16	1751027	Huỳnh Thanh Vy	22,295,040	-	-	-	22,295,040	1,560,653	20,734,387
17	1751028	Lê Phạm Ngọc Yến	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
18	1751029	Trịnh Hữu Đức	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
19	1751030	Nguyễn Ngọc Minh Huy	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
20	1751035	Nguyễn Diệp Xuân Quang	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
21	1751036	Trần Thị Anh Thư	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
22	1751037	Nguyễn Quang Thức	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
23	1751040	Nguyễn Nguyễn Hoàng Thi	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
24	1751041	Trần Hữu Thiên Lương	11,147,520	7,431,680	-	7,431,680	18,579,200	1,300,544	17,278,656
25	1751042	Nguyễn Trương Vĩnh Thuyền	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
26	1751043	Võ Hoàng Ngân	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
27	1751044	Ngô Lê Phương Trinh	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
28	1751046	Đinh Lâm Kiều Phương	7,431,680	-	-	-	7,431,680	520,218	6,911,462
29	1751047	Hà Bình An	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
30	1751048	Khuru Kiên An	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
31	1751049	Đặng Lê Tuấn Anh	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
32	1751050	Đinh Hồ Gia Bảo	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
33	1751051	Lê Thanh Bình	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
34	1751052	Nguyễn Quốc Bình	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
35	1751053	Nguyễn Thanh Bình	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
36	1751054	Long Vũ Quỳnh Châu	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
37	1751057	Huỳnh Tấn Đạt	22,295,040	-	-	-	22,295,040	1,560,653	20,734,387
38	1751058	Lê Hoàng Đạt	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
39	1751059	Trần Trung Đức	14,863,360	7,431,680	-	7,431,680	22,295,040	1,560,653	20,734,387
40	1751060	Hồ Công Duy	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
41	1751061	Lê Đình Anh Duy	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
42	1751062	Lê Quốc Anh Duy	11,147,520	7,431,680	-	7,431,680	18,579,200	1,300,544	17,278,656
43	1751063	Phạm Bảo Duy	11,147,520	-	2,090,160	2,090,160	13,237,680	926,638	12,311,042
44	1751064	Nguyễn Hoàng Gia	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
45	1751065	Nguyễn Trường Giang	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
46	1751067	Nguyễn Minh Hiếu	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
47	1751068	Phạm Nguyễn Huy Hoàng	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
48	1751069	Nguyễn Đình Huân	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
49	1751072	Lê Quốc Huy	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
50	1751074	Nguyễn Phúc Khang	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
51	1751078	Nguyễn Võ Đức Lộc	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
52	1751081	Nguyễn Phúc Minh	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
53	1751082	Vũ Hoàng Minh	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
54	1751084	Vũ Đăng Nghĩa	11,147,520	7,431,680	-	7,431,680	18,579,200	1,300,544	17,278,656
55	1751085	Nguyễn Mạc Bảo Ngọc	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
56	1751087	Đỗ Trí Nhân	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
57	1751089	Huỳnh Minh Quốc Nhật	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
58	1751090	Nguyễn Minh Nhật	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
59	1751091	Huỳnh Hải Ninh	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
60	1751092	Lý Kiên Phi	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
61	1751093	Nguyễn Ngọc Phong	11,147,520	3,715,840	-	3,715,840	14,863,360	1,040,435	13,822,925

62	1751094	Trần Bảo Phúc	22,295,040	-	-	-	22,295,040	1,560,653	20,734,387
63	1751096	Nguyễn Thị Kim Phương	11,147,520	-	-	-	11,147,520	780,326	10,367,194
64	1751097	Nguyễn Minh Quân	11,147,520	1,857,920	-	1,857,920	13,005,440	910,381	12,095,059
65	1751098	Nguyễn Minh Quang	14,863,360	3,715,840	-	3,715,840	18,579,200	1,300,544	17,278,656
66	1751099	Đinh Vũ Quỳnh	22,295,040	-	-	-	22,295,040	1,560,653	20,734,387
67	1751100	Nguyễn Hải Sơn	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
68	1751101	Ngô Hoàng Bảo Thạch	14,863,360	9,289,600	-	9,289,600	24,152,960	1,690,707	22,462,253
69	1751103	Thái Thuận Thành	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
70	1751104	Nguyễn Ngọc Thiện	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
71	1751105	Đỗ Vương Quốc Thịnh	11,147,520	5,573,760	-	5,573,760	16,721,280	1,170,490	15,550,790
72	1751106	Nguyễn Văn Quang Tiến	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
73	1751108	Hồ Minh Trí	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
74	1751109	Nguyễn Minh Trí	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
75	1751111	Trần Công Hoàng Trọng	22,295,040	-	-	-	22,295,040	1,560,653	20,734,387
76	1751112	Nguyễn Thị Thanh Trúc	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
77	1751113	Goi Chí Trung	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
78	1751119	Nguyễn Thanh Tùng	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
79	1751120	Nguyễn Trọng Tùng	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
80	1751122	Lương Thế Văn	14,863,360	-	-	-	14,863,360	1,040,435	13,822,925
81	1751124	Phan Đăng Khoa	18,579,200	-	-	-	18,579,200	1,300,544	17,278,656
82	1751126	Nguyễn Hoàng Tân	22,295,040	-	-	-	22,295,040	1,560,653	20,734,387

Ngày tháng năm 2020
Người lập bảng

Bùi Thị Kim Ngân